

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2023

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thuý

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Công Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/20223TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 06 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1969

Bị đơn: Chị Cao Thị P, sinh năm 1976

Cùng nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt anh V, vắng mặt chị P (chị P có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc V trình bày:

- **Về hôn nhân:** Anh và chị Cao Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ năm 2005 chị P đã bỏ nhà đi ở chỗ khác, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị P.

- *Về con cái*: Anh và chị **P** có 03 con chung tên là **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1996, **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1998, **Nguyễn Thị Hà V1**, sinh năm 1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Cao Thị P trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh **Nguyễn Ngọc V** kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới ngày 24/5/1994 không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ năm 2005 chị đã bỏ nhà đi ở chỗ khác, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh **V** làm đơn xin ly hôn chị tại Tòa án chị không đồng ý, chị muốn vợ chồng về đoàn tụ để các con có bố, có mẹ.

- *Về con cái*: Chị và anh **V** có 03 con chung tên là **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1996, **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1998, **Nguyễn Thị Hà V1**, sinh năm 1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương xã Q: Anh **Nguyễn Ngọc V** và chị **Cao Thị P** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống anh **V**, chị **P** phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được vì anh, chị không báo cáo chính quyền địa phương. Nay anh **V** xin ly hôn chị **P** tại tòa án, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh, chị có 03 con chung tên là **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1996, **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1998, **Nguyễn Thị Hà V1**, sinh năm 1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng trình tự, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa X. Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Điều 9; Điều 11 và Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 BLTTDS. Đề nghị HĐXX tuyên: Về hôn nhân: Không công nhận anh **Nguyễn Ngọc V** và chị **Cao Thị P** là vợ chồng. Về con chung: anh, chị thống nhất có 03 con chung tên là **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1996, **Nguyễn Ngọc**

T, sinh năm 1998, **Nguyễn Thị Hà V1**, sinh năm 1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản và công nợ: anh, chị không yêu cầu giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Anh **Nguyễn Ngọc V** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Anh **Nguyễn Ngọc V**, chị **Cao Thị P** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**. Anh **V** có đơn xin ly hôn chị **P** tại Tòa án. Đây là quan hệ “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ; tuy nhiên chị **P1** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Anh **V**, chị **P** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn, đến nay anh, chị vẫn chưa đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh, chị hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh **V** là do tính tình anh, chị không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ năm 2005 anh, chị đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị **P**.

Chị P thừa nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Năm 2005, anh, chị đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh **V** làm đơn xin ly hôn chị tại Tòa án, chị không đồng ý, chị muốn vợ chồng về đoàn tụ để các con có bố, có mẹ.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa X. Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Điều 8; 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 thì anh **V**, chị **P** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; Do đó HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 11; Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 không công nhận anh **Nguyễn Ngọc V** và chị **Cao Thị P** là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Anh, chị có 03 con chung tên là **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1996, **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1998, **Nguyễn Thị Hà V1**, sinh năm 1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Anh, chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]*Về án phí*: Anh **V** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000. Điều 8; Điều 9; Khoản 1 Điều 11; Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận anh **Nguyễn Ngọc V** và chị **Cao Thị P** là vợ chồng

2. *Về con chung*: Anh, chị có 03 con chung tên là **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1996, **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1998, **Nguyễn Thị Hà V1**, sinh năm 1999.

Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

3. *Về tài sản và công nợ*: Anh, chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Anh **V** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ anh đã nộp, theo biên lai thu số 9843 ngày 29/06/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Anh **V** đã nộp đủ tiền án phí.

5. Anh **V** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị **P** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H.Quảng Xương;
- Đường sự;
- UBND xã Q,
- H.Q;
- Chi cục THADS H.Quảng Xương;
- Lưu Hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý